

Số: /KH-SYT

Bắc Giang, ngày tháng năm 2023

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2023

Thực hiện Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bắc Giang năm 2023; Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phân bổ chi tiết vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 (đợt 2), tỉnh Bắc Giang.

Sở Y tế xây dựng Kế hoạch thực hiện Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2023 như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

##### 1. Mục đích

Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ tại các Nghị quyết, Quyết định, văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023 tỉnh Bắc Giang phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh, tiến độ, kế hoạch, quy định của Trung ương để thực hiện tốt các mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo năm 2023, làm tiền đề thực hiện tốt mục tiêu, các chỉ tiêu giảm nghèo cả giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

##### 2. Yêu cầu

- Việc triển khai thực hiện các nội dung Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững phải đảm bảo đúng các quy định, hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ Tài chính, HĐND, UBND tỉnh Bắc Giang.

- Trung tâm Y tế các huyện (được giao chủ đầu tư) phải tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các nguồn vốn đã được giao và bảo đảm đúng trình tự, quy định của pháp luật.

#### I. MỤC TIÊU

##### 1. Mục tiêu chung

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tâm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ

nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động.

## **2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể**

*\* Mục tiêu 1: Hạ xuống mức thấp các thể thiếu dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động*

Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động xuống dưới 21,5%.

*\* Mục tiêu 2: Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em, phụ nữ mang thai và cho con bú sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động*

- Trên 60% trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng.

- Trên 60% phụ nữ mang thai sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động được cung cấp miễn phí viên đa vi chất từ khi phát hiện mang thai đến 01 tháng sau sinh.

*\* Mục tiêu 3: Bảo đảm ứng phó về phòng, chống suy dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp cho hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động.*

Tỷ lệ hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo được cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động đạt trên 80%.

*(Chi tiết tại Phụ lục số I).*

## **III. NGUYÊN TẮC, ĐIỀU KIỆN, PHƯƠNG THỨC HỖ TRỢ**

### **1. Nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ**

- Nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ thực hiện theo quy định hiện hành của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Trường hợp đối tượng, nội dung hỗ trợ trùng lặp với chương trình, dự án khác có nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước thì chỉ lựa chọn thực hiện theo 01 chương trình, dự án; trong đó ưu tiên lựa chọn thực hiện theo chương trình, dự án có định mức hỗ trợ cao hơn.

### **2. Phương thức hỗ trợ**

- Hỗ trợ can thiệp trực tiếp đối tượng phụ nữ mang thai và cho con bú, trẻ em dưới 5 tuổi tiếp cận với các can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng (cung cấp gói tư vấn dinh dưỡng, đa vi chất, sản phẩm dinh dưỡng, quản lý suy dinh dưỡng cấp tính tại cộng đồng...)

- Hỗ trợ can thiệp trực tiếp trẻ học đường (từ 5 đến dưới 16 tuổi) cải thiện bữa ăn học đường, theo dõi tình trạng dinh dưỡng định kỳ và tư vấn dinh dưỡng,

hỗ trợ dinh dưỡng cho trẻ bị suy dinh dưỡng, giáo dục cho trẻ về chăm sóc dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực, phòng chống suy dinh dưỡng...

- Hỗ trợ nâng cao nhận thức và hành vi của các đối tượng thông qua việc tăng cường công tác thông tin, truyền thông, tư vấn về chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và cho con bú, trẻ em 0-16 tuổi.

- Hỗ trợ nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế thôn bản; tăng cường nguồn lực và phối hợp liên ngành về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng và theo dõi, giám sát, đánh giá, báo cáo kết quả hoạt động của Chương trình.

#### **IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

##### **1. Hoạt động can thiệp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và cho con bú, trẻ em 0-16 tuổi**

###### ***1.1. Cung cấp các dịch vụ tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ từ lúc mang thai cho đến khi trẻ được 2 tuổi***

- Triển khai các hoạt động tư vấn chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời: Chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai, bà mẹ nuôi con bú, bổ sung viên sắt/đa vi chất cho phụ nữ mang thai, bà mẹ sinh con trong tháng đầu; hướng dẫn thực hành cho trẻ bú mẹ sớm trong vòng 1 giờ đầu sau sinh, bú mẹ hoàn toàn trong sáu tháng đầu, bú mẹ kéo dài đến 24 tháng tuổi hoặc lâu hơn; cho trẻ ăn thức ăn bổ sung đa dạng và phù hợp với nhóm tuổi...

- Triển khai thực hiện các hoạt động theo hướng dẫn tại Công văn số 3598/BYT-BM-TE ngày 29/4/2021 của Bộ Y tế về hướng dẫn xây dựng và triển khai Chương trình Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời của Bộ Y tế và tài liệu Hướng dẫn tư vấn dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời của Viện Dinh dưỡng và các văn bản hiện hành.

###### ***1.2. Cung cấp viên sắt cho trẻ em gái vị thành niên, phụ nữ có thai***

Thu thập, thống kê số liệu trẻ em gái vị thành niên từ 12 đến dưới 16 tuổi đã có kinh nguyệt thuộc đối tượng can thiệp trên địa bàn, cung cấp viên sắt và sử dụng theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại Quyết định số 4944/QĐ-BYT ngày 27/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn quốc gia về phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng và các hướng dẫn của đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế.

###### ***1.3. Bổ sung kẽm cho trẻ em bị tiêu chảy cấp với liều bổ sung***

+ Trẻ dưới 06 tháng: 10 mg/ngày x 14 ngày.

+ Trẻ trên 06 tháng: 20 mg/ngày x 14 ngày.

Thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 4944/QĐ-BYT ngày 27/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn quốc gia về phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng và Quyết định số 4121/QĐ-BYT ngày 28/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Tài liệu hướng dẫn xử trí tiêu chảy ở trẻ em.

###### ***1.4. Cung cấp sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng***

- Cấp phát sản phẩm dinh dưỡng: Sản phẩm bột đa vi chất cho trẻ trên 6 tháng đến 23 tháng tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi bổ sung vào bữa ăn của trẻ; Sản phẩm viên, gói đa vi chất cho trẻ từ 24 tháng đến 59 tháng tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi. Đồng thời, kết hợp tư vấn, hướng dẫn sử dụng tại hộ gia đình. Theo dõi, giám sát và báo cáo theo quy định. Cách thực lựa chọn sản phẩm thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 4944/QĐ-BYT ngày 27/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế và các hướng dẫn của đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế. Hàm lượng các vi chất dinh dưỡng đảm bảo theo hướng dẫn nêu trên và các văn bản cập nhật (nếu có).

- Cấp phát sản phẩm dinh dưỡng (viên sắt, đa vi chất) cho trẻ học đường (từ 5 đến dưới 16 tuổi) bị suy dinh dưỡng (ưu tiên trẻ suy dinh dưỡng thấp còi): Các trường tổ chức đánh giá tình trạng dinh dưỡng định kỳ để phát hiện trẻ suy dinh dưỡng, lập danh sách, tiếp nhận sản phẩm dinh dưỡng và cấp phát theo đợt. Tổ chức sử dụng sản phẩm dinh dưỡng tại trường, có theo dõi giám sát, báo cáo theo quy định. Lồng ghép với Chương trình dinh dưỡng học đường do Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

### ***1.5. Phát hiện, quản lý, điều trị suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em tại cộng đồng***

- Đối tượng: Trẻ em từ 0 đến 72 tháng tuổi được chẩn đoán suy dinh dưỡng cấp tính nặng.

- Phác đồ điều trị trẻ bị suy dinh dưỡng cấp tính nặng theo hướng dẫn tại Quyết định số 4487/QĐ-BYT, ngày 18/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn chẩn đoán về điều trị bệnh suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em từ 0 đến 72 tháng tuổi và Quyết định số 3779/QĐ-BYT, ngày 26/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn thực hiện quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em từ 0 đến 72 tháng tuổi và hướng dẫn của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế.

### ***1.6. Lập kế hoạch và dự trữ nguồn sản phẩm dinh dưỡng cho việc ứng phó với ảnh hưởng thiên tai, thảm họa, dịch bệnh đối với việc chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ mang thai và cho con bú, trẻ em***

- Số lượng sản phẩm dinh dưỡng theo nhu cầu thực tế của địa phương.

- Thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật chuẩn bị và ứng phó về dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp và các hướng dẫn của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế.

- Hằng năm, các huyện cần xây dựng kế hoạch ứng phó về dinh dưỡng với tình huống khẩn cấp hoặc lồng ghép trong kế hoạch ứng phó về thiên tai thảm họa của huyện.

### ***1.7. Tăng cường chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú; tăng cường nuôi con bằng sữa mẹ và ăn bổ sung hợp lý thông qua các hình thức truyền thông trực tiếp, thực hành dinh dưỡng tại trạm y tế xã, phường, thị trấn, thôn, bản***

Thực hiện theo Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và Công văn số 3598/BYT-BM-TE ngày 29/4/2021 của Bộ Y tế và các hướng dẫn khác của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế.

***1.8. Tổ chức thực hiện bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng và giáo dục dinh dưỡng cho học sinh bán trú/nội trú***

Trung tâm Y tế các huyện, thành phố phối hợp với Phòng Giáo dục trên địa bàn lập kế hoạch, tập huấn cho các cán bộ triển khai về tổ chức bữa ăn học đường, các kiến thức và kỹ năng giáo dục dinh dưỡng học đường, đẩy mạnh chất lượng giáo dục dinh dưỡng chính khóa và các hình thức ngoại khóa phù hợp với điều kiện địa phương. Cán bộ y tế có vai trò tham gia hướng dẫn chuyên môn và giám sát hoạt động cho các trường học triển khai bữa ăn bán trú và công tác giáo dục dinh dưỡng trong trường học, phối hợp với giáo dục dinh dưỡng tại gia đình. Triển khai các mô hình tạo nguồn thực phẩm tại chỗ ở địa phương thông qua kết hợp với các dự án thành phần khác của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

***1.9. Tư vấn dinh dưỡng về chăm sóc dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực, phòng chống suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng tại trường học. Hướng dẫn tổ chức bữa ăn học đường đảm bảo dinh dưỡng cho học sinh trong các nhà trường.***

Trung tâm Y tế các huyện, thành phố phối hợp với Phòng Giáo dục trên địa bàn lập kế hoạch và tập huấn cho cán bộ triển khai về dinh dưỡng và hoạt động thể lực hợp lý, các kiến thức và kỹ năng cần thiết để triển khai hoạt động. Ngành y tế tham gia với vai trò hướng dẫn chuyên môn và giám sát hoạt động. Các cơ sở giáo dục tổ chức các hình thức tư vấn phù hợp, lồng ghép với chăm sóc y tế học đường. Tạo điều kiện cơ sở vật chất để học sinh có thể thực hành dinh dưỡng và thể lực hợp lý.

***1.10. Tổ chức khảo sát, theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em dưới 16 tuổi hàng năm và định kỳ theo kế hoạch***

Thực hiện theo hướng dẫn của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế (tùy theo thực tế, có thể bao gồm: cân đo nhân trắc, xét nghiệm máu, phỏng vấn khẩu phần, chế độ ăn, thói quen tiêu thụ thực phẩm, phỏng vấn thông tin nhân khẩu học, tiền sử nuôi dưỡng, tiền sử bệnh tật...).

***1.11. Mua sắm trang thiết bị, công cụ, tài liệu phục vụ công tác đánh giá tình trạng dinh dưỡng, thực hành dinh dưỡng***

Các địa phương rà soát lại hiện trạng trang thiết bị phục vụ công tác đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em để thực hiện mua sắm bổ sung theo các quy định hiện hành, trong đó tập trung:

- Mua cân, thước đo (chiều dài nằm, chiều cao đứng), thước đo vòng cánh tay, biểu đồ tăng trưởng trẻ em... cho cơ sở y tế huyện, xã, thôn bản và trường học.

- Mua dụng cụ thực hành dinh dưỡng, vật tư y tế, thực phẩm bổ sung, tài liệu để triển khai các hoạt động can thiệp tại cộng đồng.

**1.12. Nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế thôn bản, y tế trường học, giáo viên, cán bộ làm công tác dinh dưỡng ở trường học và liên ngành khác về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em.**

- Tập huấn cho cán bộ dinh dưỡng tuyến xã và thôn bản về hướng dẫn triển khai và các kỹ thuật chuyên môn triển khai hoạt động về dinh dưỡng.

- Tập huấn cho y tế trường học và giáo viên trường học tại các tuyến về hướng dẫn hỗ trợ triển khai hoạt động về dinh dưỡng tại trường học.

**2. Hoạt động về truyền thông dinh dưỡng**

- Biên tập các nội dung truyền thông tại cộng đồng. Nhân bản, phát sóng, phát hành nội dung truyền thông bằng nhiều hình thức và nhiều kênh truyền thông: loa đài, tờ rơi, pano, băng rôn... Nội dung truyền thông về dinh dưỡng hợp lý; phòng chống suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng; chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời; phòng chống giun sán...

- Tập huấn kỹ năng truyền thông cho đội ngũ cán bộ y tế và liên ngành làm công tác chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em cấp huyện, xã, thôn, bản.

- Tổ chức các buổi truyền thông tại cộng đồng trong Tuần lễ Nuôi con bằng sữa mẹ, Tuần lễ Dinh dưỡng và phát triển, Ngày Vi chất dinh dưỡng, ngày tiêm chủng...

- Tăng cường truyền thông các thông điệp về chăm sóc dinh dưỡng phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú, trẻ nhỏ, tập trung vào các nội dung chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời trên hệ thống truyền thanh xã, phường, thôn, bản. Tăng cường truyền thông trực tiếp thông qua các buổi hướng dẫn thực hành dinh dưỡng tại trạm y tế xã, phường, thị trấn.

**3. Hoạt động đào tạo, tập huấn**

- Tập huấn kỹ năng truyền thông cho đội ngũ cán bộ y tế và liên ngành làm công tác chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ trẻ em cấp huyện, xã, thôn, bản.

- Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, cộng tác viên dinh dưỡng, nhân viên y tế thôn bản, y tế trường học, giáo viên, cán bộ làm công tác dinh dưỡng ở trường học và liên ngành khác về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em; dinh dưỡng hợp lý; phòng chống suy dinh dưỡng; phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng.

**4. Hoạt động về kiểm tra, giám sát, đánh giá**

Chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát, khảo sát và đánh giá thực hiện Chương trình theo Thông tư 10/2022/TT-BLĐTĐ ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Đơn vị tuyến tỉnh, huyện theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động dinh dưỡng tuyến xã, phường và thôn, bản. Thực hiện giám sát theo kế hoạch hàng năm.

- Lập kế hoạch thu thập thông tin để khảo sát, đánh giá; tổ chức giám sát, đánh giá kết quả hoạt động hàng năm.

- Theo dõi và và báo cáo các chỉ số giám sát quá trình triển khai hoạt động cho Sở Y tế, Viện Dinh dưỡng - Bộ Y tế.

- Báo cáo về nguồn vốn được tiếp nhận, huy động các nguồn vốn hợp pháp và sử dụng cho chương trình.

## **V. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Tổng kinh phí theo Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bắc Giang năm 2023 là **4.816 triệu đồng**. Trong đó:

- Ngân sách trung ương: Vốn sự nghiệp là 4.816 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: Không.

Phân bổ 100% ngân sách trung ương năm 2023 cho Trung tâm Y tế các huyện, thành phố để triển khai thực hiện theo Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang.

*(Chi tiết tại Phụ lục số II).*

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Phòng Kế hoạch -Tài chính, Sở Y tế**

- Chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát các đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ báo cáo kết quả triển khai Chương trình về UBND tỉnh và Bộ Y tế.

- Phân bổ kinh phí của Chương trình (nếu có), lồng ghép kinh phí các chương trình, dự án, đề án để triển khai các nội dung hoạt động của Kế hoạch; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đơn vị sử dụng kinh phí hiệu quả.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát đánh giá tiến độ thực hiện Tiểu dự án tại Trung tâm Y tế các huyện thành phố theo quy định.

### **2. Phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế**

Phối hợp với phòng Kế hoạch - Tài chính, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh chỉ đạo Trung tâm Y tế các huyện, thành phố triển khai thực hiện tốt các hoạt động chuyên môn theo hướng dẫn của Bộ Y tế và UBND tỉnh.

### **3. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh**

- Đầu mối phối hợp với Trung tâm Y tế các huyện, thành phố triển khai, thực hiện các hoạt động theo nội dung kế hoạch; giám sát, hỗ trợ các đơn vị trong quá trình triển khai đảm bảo tiến độ, hiệu quả.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả, tiến độ triển khai thực hiện kế hoạch của toàn tỉnh về Sở Y tế trước ngày 30/11 hàng năm.

### **4. Trung tâm Y tế các huyện, thành phố**

- Trên cơ sở kế hoạch này, Trung tâm Y tế các huyện, thành phố chủ động xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí chi tiết và tổ chức triển khai thực hiện các nội dung Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng thuộc Chương trình mục tiêu quốc

gia giảm nghèo bền vững tại địa phương năm 2023 đảm bảo hoàn thành mục tiêu và tiến độ giải ngân.

- Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí được giao theo quy định tại Thông tư 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

- Phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh trong việc triển khai các hoạt động chuyên môn của dự án; kịp thời báo cáo những khó khăn vướng mắc và đề xuất các giải pháp khắc phục trong quá trình triển khai thực hiện.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát các trạm y tế trên địa bàn tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả.

- Báo cáo kết quả triển khai thực hiện kế hoạch trên địa bàn huyện, thành phố về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật trước ngày 20/11 hàng năm để tổng hợp.

#### **5. Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản Nhi**

- Tổ chức các hoạt động khám, tư vấn chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời đối với phụ nữ có thai đến khám, phụ nữ sinh con tại cơ sở y tế.

- Quản lý, điều trị những trường hợp trẻ suy dinh dưỡng cấp tính nặng; tăng cường công tác tư vấn cho cha/mẹ cách chăm sóc dinh dưỡng khi trẻ ốm.

- Báo cáo kết quả triển khai về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật trước ngày 20/11 hàng năm.

Sở Y tế đề nghị các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Sở Lao động Thương binh và Xã hội;
- UBND các huyện, thành phố (p/h);
- Các phòng thuộc Sở;
- Trung tâm Y tế các huyện, thành phố;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh;
- Bệnh viện Đa khoa tỉnh;
- Bệnh viện sản Nhi;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thị Thu Hương**



## Phụ lục I

## CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CẢI THIỆN DINH DƯỠNG NĂM 2023

TT	Nội dung	Chỉ số đo lường	Chỉ tiêu năm 2023	Khái niệm	Nguồn số liệu	Đơn vị chịu trách nhiệm	Đơn vị phối hợp
Mục tiêu cụ thể 1	Hạ xuống mức thấp các thể thiếu dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động	% SDD thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi	< 21,5%	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi (suy dinh dưỡng thấp còi): Là tỷ lệ phần trăm trẻ em dưới 5 tuổi có chiều cao theo tuổi thấp dưới trừ hai độ lệch chuẩn (-2SD) của chiều cao trung vị của quần thể tham khảo so với tổng số trẻ em dưới 5 tuổi được đo	Điều tra giám sát dinh dưỡng hàng năm.	TTYT huyện Sơn Động	Trung tâm KSBT
		% SDD gầy còm ở trẻ em dưới 5 tuổi	Thu thập số liệu ban đầu tại huyện	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo chiều cao (suy dinh dưỡng gầy còm): Là tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi có cân nặng theo chiều cao thấp dưới trừ hai độ lệch chuẩn (-2SD) của cân nặng trung vị của quần thể tham khảo so với tổng số trẻ em dưới 5 tuổi được cân đo	Điều tra giám sát dinh dưỡng hàng năm.	TTYT huyện Sơn Động	Trung tâm KSBT
		% SDD thấp còi ở trẻ học đường 5-16 tuổi	Thu thập số liệu ban đầu tại huyện	Tỷ lệ trẻ học đường 5-16 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi (suy dinh dưỡng thấp còi): Là tỷ lệ phần trăm trẻ em 5-16 tuổi có chiều cao theo tuổi thấp dưới trừ hai độ lệch chuẩn (-2SD) của chiều cao trung vị của quần thể tham khảo so với tổng số trẻ em 5-16 tuổi được đo	Điều tra giám sát dinh dưỡng hàng năm.	TTYT huyện Sơn Động	Trung tâm KSBT
Mục tiêu cụ thể 2	Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em, phụ nữ mang thai và cho con bú sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động.	% trẻ em dưới 16 tuổi SDD được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng	> 60%	Tỷ lệ trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng trên tổng số trẻ SDD cùng đối tượng quản lý	Báo cáo hàng năm	TTYT các huyện, thành phố	Trung tâm KSBT
		% phụ nữ mang thai được cung cấp miễn phí viên đa vi chất	> 60%	Tỷ lệ phụ nữ mang thai sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động được cung cấp miễn phí viên đa vi chất từ khi phát hiện mang thai đến 01 tháng sau sinh trên tổng số phụ nữ mang thai cùng đối tượng quản lý.	Báo cáo hàng năm	TTYT huyện Sơn Động	Trung tâm KSBT

TT	Nội dung	Chỉ số đo lường	Chỉ tiêu năm 2023	Khái niệm	Nguồn số liệu	Đơn vị chịu trách nhiệm	Đơn vị phối hợp
Mục tiêu cụ thể 3	<b>Bảo đảm ứng phó về phòng, chống SDD trong tình huống khẩn cấp cho hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động.</b>	% trẻ em 6-23 tháng tuổi ăn bổ sung đúng, đủ	Thu thập số liệu ban đầu tại huyện	Tỷ lệ trẻ 6-23 tháng sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động được ăn đa dạng (bằng hoặc nhiều hơn 5/8 nhóm thực phẩm theo WHO) và ăn đủ bữa trong độ tuổi của trẻ trong ngày hôm trước trên tổng số trẻ 6-23 tuổi quản lý.	Điều tra giám sát dinh dưỡng hàng năm.	TTYT huyện Sơn Động	Trung tâm KSBT
		% hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo được cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp	> 80%	Tỷ lệ hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động được cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp ảnh hưởng bởi thiên tai, thảm họa, dịch bệnh.	Điều tra giám sát dinh dưỡng hàng năm.	TTYT huyện Sơn Động	Trung tâm KSBT

## Phụ lục II

**PHÂN BỐ KINH PHÍ THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN 2: CẢI THIỆN DINH DƯỠNG THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC  
TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG NĂM 2023**

*Đơn vị tính: Triệu đồng.*

TT	Nội dung hoạt động	TTYT huyện Sơn Động	TTYT huyện Lục Ngạn	TTYT huyện Lục Nam	TTYT huyện Lạng Giang	TTYT huyện Yên Thế	TTYT huyện Tân Yên	TTYT huyện Việt Yên	TTYT huyện Yên Dũng	TTYT huyện Hiệp Hòa	TTYT TP Bắc Giang	Tổng
1	<b>Hoạt động chuyên môn</b> (Đào tạo, tập huấn; truyền thông; thực hành dinh dưỡng; cân đo đánh giá tình trạng suy dinh dưỡng trẻ từ 0 đến dưới 16 tuổi; lập hồ sơ theo dõi trẻ suy dinh dưỡng cấp tính)	282	72	183	127	46	57	94	98	100	44	<b>1.103</b>
2	<b>Hoạt động mua sắm</b>	<b>645</b>	<b>932</b>	<b>574</b>	<b>198</b>	<b>404</b>	<b>234</b>	<b>131</b>	<b>141</b>	<b>286</b>	<b>168</b>	<b>3.714</b>
2.1	Mua sản phẩm dinh dưỡng (sắt, đa vi chất) cấp cho trẻ suy dinh dưỡng (từ 0 đến dưới 16 tuổi)	390	779	495	151	312	212	123	113	240	160	<b>2.975</b>
2.2	Mua sắm trang thiết bị, dụng cụ phục vụ hoạt động dinh dưỡng	183	82	67	22	82	22	9	28	46	8	<b>548</b>
2.3	In ấn tài liệu chuyên môn, tài liệu truyền thông dinh dưỡng; biểu đồ tăng trưởng	72	71	12	25	10						<b>191</b>
	<b>Tổng</b>	<b>927</b>	<b>1.004</b>	<b>757</b>	<b>325</b>	<b>450</b>	<b>291</b>	<b>225</b>	<b>239</b>	<b>386</b>	<b>212</b>	<b>4.816</b>